

Các biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự - những vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện pháp luật

27/10/2025 10:56

(kiemsat.vn)

Thực tiễn áp dụng quy định về các biện pháp cưỡng chế: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã phát sinh một số vướng mắc như quy định chưa cụ thể về đối tượng áp dụng, còn thiếu sự thống nhất giữa các điều luật... Thông qua việc phân tích, làm rõ những vướng mắc này, tác giả kiến nghị mở rộng phạm vi áp dụng để nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

1. Bất cập trong quy định của pháp luật về biện pháp cưỡng chế

1.1. Về biện pháp áp giải và dẫn giải

Thứ nhất, vướng mắc từ quy định của pháp luật.

Điều 4 và điểm b khoản 2 Điều 127 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 (BLTTHS năm 2015) quy định chỉ được áp dụng biện pháp dẫn giải đối với bị hại trong trường hợp họ từ chối giám định theo quyết định trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan là chưa hợp lý. Các quy định trên có sự xung đột với Điều 62 BLTTHS năm 2015. Điểm a khoản 4 Điều 62 BLTTHS năm 2015 quy định về nghĩa vụ của bị hại: “Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải”. Theo đó, việc áp dụng biện pháp cưỡng chế dẫn giải đối với người bị hại có thể sẽ được áp dụng trong tất cả các trường hợp nếu họ cố tình không có mặt theo triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan mà không chỉ trong

trường hợp bị hại từ chối giám định như quy định tại Điều 127 BLTTHS năm 2015. Theo chúng tôi, quy định giới hạn như Điều 127 BLTTHS năm 2015 không phù hợp với thực tế hiện nay. Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự cho thấy, việc bị hại gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử không chỉ dừng lại ở việc từ chối giám định mà việc vắng mặt của bị hại còn gây khó khăn cho việc giải quyết nhanh chóng và toàn diện vụ án, đôi khi còn ảnh hưởng đến việc định tội danh và quyết định hình phạt trong các vụ án hình sự.

Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 127 BLTTHS năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền điều tra có thể áp dụng biện pháp áp giải đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 110 BLTTHS năm 2015 quy định: “Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp... Sau khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, những người quy định tại điểm c khoản 2 Điều này phải giải ngay người bị giữ kèm theo tài liệu liên quan đến việc giữ người trong trường hợp khẩn cấp đến cơ quan điều tra có sân bay hoặc bến cảng đầu tiên tàu trở về...”. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chỉ quy định về trường hợp áp dụng biện pháp áp giải đối với bị can, bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 60 và khoản 3 Điều 182 Bộ luật này. Theo đó, đối với trường hợp vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan hoặc có biểu hiện trốn tránh thì bị can, bị cáo có thể bị áp giải. Đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, BLTTHS chưa có quy định về trường hợp áp dụng biện pháp áp giải, vậy quy định áp giải người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp theo Điều 110 BLTTHS có đồng nghĩa với quy định áp giải quy định tại Điều 127 hay không?

Thứ hai, phạm vi đối tượng áp dụng biện pháp dẫn giải còn hẹp, khó xác định trường hợp áp dụng biện pháp dẫn giải.

Hiện nay, đối tượng có thể bị áp dụng biện pháp dẫn giải bao gồm người làm chứng, người bị hại, người bị tố giác và người bị kiến nghị khởi tố thuộc các trường

hợp (khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015) và đối với người đại diện theo pháp luật của pháp nhân (khoản 3 Điều 440 BLTTHS năm 2015).

Thực tiễn cho thấy trong quá trình điều tra vụ án hình sự, ngoài những người tham gia tố tụng nói trên, các cơ quan có thẩm quyền điều tra thường triệu tập, lấy lời khai đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tuy nhiên có trường hợp những người này không đến làm việc theo giấy triệu tập, và không đưa ra lý do về việc vắng mặt nên các cơ quan có thẩm quyền điều tra không có căn cứ áp dụng biện pháp dẫn giải nhằm cưỡng chế, buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt để lấy lời khai. Do vậy, chúng tôi kiến nghị cần bổ sung quy định áp dụng biện pháp dẫn giải đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bởi những lý do sau:

Một là, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự. Trong thực tiễn, có nhiều trường hợp người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng có những hành vi vi phạm pháp luật nhưng có thể những hành vi đó chưa đến mức phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự, phần nào đó quyền lợi của họ bị xâm hại nên họ phải tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Hai là, theo Điều 65 BLTTHS năm 2015 thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc người đại diện của họ cũng được hưởng những quyền mà theo quy định thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng buộc phải có nghĩa vụ như: Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy, trường hợp họ cố tình không tuân thủ thì việc áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với họ là hết sức cần thiết.

1.2. Về biện pháp kê biên tài sản trong tố tụng hình sự

Thứ nhất, về thẩm quyền kê biên tài sản trong tố tụng hình sự:

Theo khoản 2 Điều 128 BLTTHS năm 2015, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân và Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự các cấp; Hội đồng xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quyền ra lệnh kê biên tài sản.

Tuy nhiên, khoản 2 Điều 128 BLTTHS năm 2015 không quy định cơ quan nào sẽ thực hiện lệnh kê biên tài sản. Do vậy, việc thi hành lệnh kê biên tài sản là do cơ quan đã ban hành lệnh kê biên tài sản trực tiếp thi hành, hay phải chuyển cho Cơ quan điều tra hoặc lực lượng Cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp để thi hành. Đây là vấn đề vướng mắc dẫn đến khó áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản. Công văn số 5024/VKSTC-V14 ngày 19/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải đáp vướng mắc liên quan đến quy định của BLTTHS và nghiệp vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết vụ án hình sự trong ngành Kiểm sát nhân dân hướng dẫn về vấn đề trên; theo đó, người có thẩm quyền của cơ quan nào ra lệnh thì cơ quan đó có trách nhiệm thực hiện. Tuy nhiên thực tiễn vẫn còn có các vướng mắc, cụ thể:

- Việc kê biên tài sản đôi khi xảy ra những trường hợp chủ sở hữu hoặc người đang quản lý tài sản chống đối, cố tình không giao tài sản bị kê biên. Do vậy, nếu cơ quan ban hành quyết định kê biên là Viện kiểm sát hoặc Tòa án mà không có sự phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra thì rất khó thực hiện, vì không có lực lượng để trấn áp những hành vi chống đối.

- Theo khoản 4 Điều 128 BLTTHS năm 2015 thì khi tiến hành kê biên tài sản phải được tiến hành tại địa phương có tài sản và phải bảo đảm sự có mặt của đương sự hoặc thành viên trong gia đình, chính quyền xã, phường, thị trấn và người chứng kiến. Việc kê biên tài sản phải lập thành biên bản, giao, bảo quản tài sản với nội dung mô tả rõ tình trạng tài sản, quyền, nghĩa vụ của người được giao bảo quản, những khiếu nại, kiến nghị của đương sự và những người tham gia kê biên tài sản. Biên bản kê biên phải có đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia theo quy định của pháp

luật. Điều đó có nghĩa là việc kê biên tài sản phải được tiến hành tại nơi có tài sản và là nơi đang sự cư trú. Tuy nhiên, thực tiễn sẽ có những trường hợp những người phải có mặt khi tiến hành kê biên tài sản cố tình không hợp tác bằng cách không có mặt khi kê biên hoặc không có người chịu trách nhiệm nhận bảo quản tài sản thì lại chưa thấy pháp luật đề cập đến chế tài xử lý, dẫn đến nhiều cuộc tiến hành kê biên không thành công.

Thứ hai, về đối tượng bị kê biên tài sản:

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định biện pháp kê biên tài sản được áp dụng với cá nhân và pháp nhân phạm tội. Đối với cá nhân, khoản 1 Điều 128 BLTTHS năm 2015 quy định: “Kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật Hình sự (BLHS) quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại”. Đối với pháp nhân, khoản 1 Điều 437 BLTTHS năm 2015 quy định: “Kê biên tài sản áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại”. So với cá nhân, biện pháp kê biên tài sản sẽ không áp dụng với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS quy định bị tịch thu tài sản. Quy định như vậy sẽ có những vướng mắc như sau:

(1) Thực tế tồn tại những trường hợp pháp nhân không bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử nhưng có liên quan đến vụ án cũng bị kê biên tài sản.

(2) Về kỹ thuật lập pháp: Các khoản trong Điều 437 BLTTHS năm 2015, có sự xung đột dẫn đến khó áp dụng trong thực tế như: Theo khoản 1 Điều này thì “kê biên tài sản áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại”. Như vậy, nếu pháp nhân thương mại bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS năm 2015 quy định tịch thu tài sản thì sẽ không được áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản. Tuy nhiên, khoản 2 Điều này lại quy định: “Chỉ kê biên phần tài sản tương ứng

với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại...”. Vậy trường hợp pháp nhân thương mại bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS năm 2015 quy định tịch thu tài sản thì áp dụng khoản 1 hay khoản 2 Điều 437 BLTTHS năm 2015 để áp dụng biện pháp cưỡng chế.

(3) Đối tượng áp dụng biện pháp kê biên tài sản còn hẹp, phạm vi kê biên tài sản còn chưa cụ thể.

Khoản 1 Điều 128 BLTTHS năm 2015 quy định: “Kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại”. Theo đó, Cơ quan điều tra chỉ áp dụng biện pháp kê biên tài sản đối với bị can; còn đối với những người tham gia tố tụng khác, Cơ quan điều tra không được áp dụng. Với quy định này, việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản chưa phát huy được hiệu quả cao nhất trong việc thu hồi tài sản của đối tượng phạm tội. Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến tham nhũng, kinh tế, chức vụ cho thấy, các đối tượng phạm tội thường để những người thân hoặc người quen đứng tên các tài sản này. Nếu muốn áp dụng biện pháp kê biên thì việc xác định được tính minh bạch và chính đáng của những tài sản này là rất khó khăn, nếu quy định chỉ áp dụng biện pháp kê biên tài sản đối với các đối tượng là bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại là quá hẹp dẫn đến khó áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản.

Các đối tượng phạm tội có thể lợi dụng việc chưa bị khởi tố bị can để chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản cho người khác khi bị tố giác, kiến nghị khởi tố nhằm che giấu tài sản do phạm tội mà có. Đặc biệt là khi BLTTHS không có quy định về việc áp dụng biện pháp kê biên tài sản với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cũng như chưa có biện pháp tạm ngưng giao dịch tài sản đối với những người chưa bị khởi tố bị can.

Ngoài ra, theo khoản 3 Điều 128 BLTTHS năm 2015, các cơ quan có thẩm quyền điều tra chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại. Việc xác định mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại của bị can là tương đối khó khăn đối với các cơ quan có thẩm quyền điều tra. Bởi lẽ, các cơ quan có thẩm quyền điều tra có đủ căn cứ xác định chính xác mức bồi thường thiệt hại, mức tài sản cần tịch thu thường vào giai đoạn kết thúc điều tra. Mặt khác, các cơ quan có thẩm quyền điều tra cũng khó xác định được phần tài sản kê biên tương ứng có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại, nhất là trong trường hợp bị can chỉ có một tài sản, tài sản đó có giá trị lớn hơn so với mức giá trị cần kê biên; hoặc tài sản cần kê biên có thêm người khác cùng có quyền sở hữu, quyền sử dụng, thì việc kê biên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bị can, bị cáo.

(4) Về quản lý tài sản bị kê biên.

Khoản 3 Điều 128 BLTTHS năm 2015 quy định: “Tài sản bị kê biên được giao cho chủ tài sản hoặc người quản lý hợp pháp hoặc người thân thích của họ bảo quản. Người được giao bảo quản mà có hành vi tiêu dùng... tài sản bị kê biên thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS”. Theo Từ điển tiếng Việt, “tiêu dùng” là sử dụng của cải vật chất để thỏa mãn các nhu cầu của đời sống sinh hoạt hằng ngày. Nếu quy định như vậy thì người bảo quản sẽ không được hưởng hoa lợi, lợi tức đối với tài sản bị kê biên, bao gồm động sản và bất động sản. Việc không cho phép người bảo quản tài sản sử dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản bị kê biên liệu có phù hợp hay không. Quy định như vậy về quyền của người quản lý tài sản bị kê biên đã làm cho các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng trong việc cho phép người quản lý tài sản tiếp tục sử dụng, khai thác hoa lợi, lợi tức từ tài sản bị kê biên; dẫn đến trường hợp nếu chủ tài sản bị bắt giam, sẽ không có người nào nhận trách nhiệm quản lý tài sản bị kê biên.

1.3. Về biện pháp cưỡng chế phong tỏa tài khoản

Thứ nhất, phạm vi đối tượng áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản còn hẹp.

Theo khoản 1 Điều 129 BLTTHS năm 2015, Cơ quan điều tra chỉ áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản đối với “người bị buộc tội về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền, tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại khi có căn cứ xác định người đó có tài khoản tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước. Phong tỏa tài khoản cũng được áp dụng đối với tài khoản của người khác nếu có căn cứ cho rằng số tiền trong tài khoản đó có liên quan đến hành vi phạm tội của người bị buộc tội”. Theo quy định trên, Cơ quan điều tra không thể áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản đối với người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố. Điều này dẫn đến việc các đối tượng phạm tội lợi dụng để tẩu tán tài sản trong tài khoản ngay từ giai đoạn bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố, từ đó làm giảm hiệu quả thu hồi tài sản do phạm tội mà có, hoặc để bảo đảm quá trình thi hành án của các đối tượng này sau khi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.

Thứ hai, thực tế đã xảy ra một số trường hợp, trong quá trình điều tra, do chỉ phát hiện số dư trong tài khoản người bị buộc tội hoặc người liên quan khác không đủ số tiền mà người bị buộc tội chiếm đoạt của bị hại, nên Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa tài khoản nhưng không ghi cụ thể số tiền. Có trường hợp Cơ quan điều tra ra 02 lệnh phong tỏa tài khoản gửi ngân hàng, trong đó lệnh có ghi số tiền cụ thể được gửi sau lệnh không ghi số tiền. Đến giai đoạn thi hành án, ngân hàng có ý kiến phản hồi rằng chỉ thi hành đối với lệnh có ghi số tiền cụ thể. Điều này dẫn đến việc chậm trễ phong tỏa tài khoản của người bị buộc tội hoặc người liên quan khác, tạo ra khoảng thời gian cho những người này tẩu tán tài sản, gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị chiếm đoạt tài sản.

2. Một số kiến nghị hoàn thiện

- Về biện pháp áp giải, dẫn giải:

Thứ nhất, cần sửa đổi khoản 1 Điều 127 BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung quy định về trường hợp áp dụng biện pháp áp giải. Các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, bổ sung quy định trường hợp áp dụng biện pháp áp giải đối với từng đối tượng cụ thể. Theo đó, đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can bị tạm giam có thể bị áp dụng biện pháp áp giải trong trường hợp phục vụ cho việc các hoạt động điều tra, khám bệnh, chữa bệnh, thăm gặp, tiếp xúc lãnh sự. Đối với người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố nếu cố tình không có mặt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì cũng phải áp dụng biện pháp áp giải, không cần quy định phải chứng minh việc họ có liên quan hay không liên quan đến hành vi phạm tội được khởi tố vụ án.

Thứ hai, cần sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung diện đối tượng áp dụng biện pháp dẫn giải bao gồm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Đối với người bị hại nếu cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan, trong mọi trường hợp chứ không chỉ trong trường hợp từ chối giám định.

- Về biện pháp kê biên tài sản:

Thứ nhất, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 128 BLTTHS năm 2015 theo hướng bổ sung diện đối tượng bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản bao gồm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án khi có căn cứ xác định tài sản của người này đứng tên quản lý, sử dụng có liên quan đến hoạt động phạm tội của người bị buộc tội góp phần khắc phục việc các đối tượng tẩu tán tài sản do phạm tội mà có sau khi bị phát hiện, khởi tố, điều tra, qua đó nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản trong điều tra vụ án hình sự.

Thứ hai, cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc xác định cụ thể mức tương ứng trong quy định “chỉ kê biên tài sản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại” tại khoản 3 Điều 128 BLTTHS năm 2015.

Thứ ba, cần có quy định cụ thể là khi kê biên tài sản chung thì bên cạnh sự có mặt của những người theo thủ tục kê biên tài sản trong tố tụng hình sự thì cần sự có mặt của người đồng sở hữu, người đang quản lý hợp pháp tài sản đó để đảm bảo quyền và lợi ích của họ. Ngoài việc quy định thẩm quyền ra lệnh kê biên tài sản thì cũng cần quy định rõ về cơ quan thực hiện lệnh kê biên tài sản của Viện kiểm sát và Tòa án, thời gian thực hiện lệnh kê biên là bao lâu để tránh hành vi tẩu tán tài sản của người phạm tội; quy định cụ thể cho phép người được giao quản lý tài sản được quyền khai thác, sử dụng công năng sử dụng của tài sản mà không ảnh hưởng đến giá trị của tài sản.

- Đối với biện pháp cưỡng chế về phong tỏa tài khoản:

Thứ nhất, cần bổ sung các biện pháp như tạm ngưng giao dịch tài sản đối với những người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố trước khi áp dụng biện pháp kê biên tài sản; tạm ngưng giao dịch tài khoản của người bị tố giác, kiến nghị khởi tố hoặc người có liên quan đúng bằng giá trị tài sản bị tố giác chiếm đoạt hoặc có liên quan trước khi áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản.

Thứ hai, bổ sung vào Điều 129 BLTTHS năm 2015 nội dung: Cho phép áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản đối với người khác không phải người bị buộc tội, nếu có căn cứ xác định tài sản phạm tội đã được chuyển vào tài khoản, khối tài sản của họ; quy định rõ về lệnh phong tỏa toàn bộ tài khoản và trình tự, thủ tục kê biên cổ phiếu..., nhằm tránh thất thoát, góp phần đấu tranh hiệu quả với tội phạm chiếm đoạt tài sản, tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ.

Thứ ba, quy định rõ trách nhiệm của Cơ quan điều tra nói riêng, cơ quan tiến hành tố tụng nói chung không áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản để bị can tẩu tán tài sản dẫn đến không còn tài sản để thi hành án.

Ngoài ra, không chỉ vụ án tham nhũng mà trong điều tra vụ án hình sự nói chung, để đảm bảo sự thống nhất trong áp dụng pháp luật, cần quy định cụ thể trong mọi trường hợp bị can phạm tội mà BLHS có quy định hình phạt tiền, có thể bị tịch thu tài sản, bồi thường thiệt hại thì áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản là yêu cầu bắt buộc. Có như vậy, vụ án mới được xét xử một cách toàn diện, khách quan và đảm bảo bản án sau khi tuyên được thi hành một cách hiệu quả, nghiêm minh.

Phạm Minh Tuyên

Theo Tạp chí Kiểm sát in số 03/2025